

Số: 277/TB-BV

Minh Hóa, ngày 24 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng trang thiết bị y tế

Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hoá đang triển khai các thủ tục mua sắm máy, trang thiết bị y tế nhằm phục vụ công tác khám, chữa bệnh theo Quyết định 1307/QĐ-UBND ngày 20/5/2024.

Nay, thông báo đến các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu cung cấp cho chúng tôi báo giá hàng hóa, dịch vụ với các yêu cầu sau đây:

- Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp: Theo bảng phụ lục chi tiết kèm theo.

- Báo giá cần phải mô tả chi tiết cấu hình, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chào, đáp ứng yêu cầu, kèm theo các thông tin về xuất xứ/ký mã hiệu/hãng sản xuất và phải bao gồm đầy đủ các điều kiện, điều khoản thương mại kèm theo tối thiểu như: Hiệu lực báo giá; đã gồm đầy đủ thuế, phí liên quan; thời gian bàn giao hàng hóa dịch vụ; thời gian bảo hành; các điều khoản tạm ứng, thanh toán;...

- Báo giá xin gửi về địa chỉ dưới đây trước 17 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2024.

+ Ông: Đinh Hữu Thắng

+ Số điện thoại: 0345.790.061

+ Địa chỉ: Khoa Dược - VTTBYT, Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa, Tổ dân phố 7, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Nhận báo giá qua đường bưu điện.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày, kể từ 17 giờ 00 phút ngày 03 tháng 6 năm 2024.

- Địa điểm cung cấp, giao hàng: Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hoá

- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2024.

- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Bệnh viện thanh toán bằng chuyển khoản khi nhà thầu trúng thầu cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa và đầy đủ các chứng từ: biên bản giao nhận hàng hóa, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Trân trọng!



KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Thanh Giáo

Phụ lục

Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về hàng hóa, dịch vụ cần cung cấp

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 277/TB-BV ngày 24/5/2024)

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Hệ thống nội soi tai mũi họng	<u>I. Yêu cầu chung:</u> - Năm sản xuất: Thiết bị chính sản xuất năm 2023 trở về sau, mới 100% - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn CE hoặc ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương. - Nguồn điện cung cấp: 220 V; 50 Hz - Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị: + Nhiệt độ tối đa $\geq 40^{\circ}\text{C}$; + Độ ẩm tối đa $\geq 85\%$ <u>II. Cấu hình và số lượng</u> - Hệ thống nội soi Tai mũi họng Video kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: - Bộ xử lý hình ảnh nội soi kèm nguồn sáng LED có tính năng chẩn đoán ung thư sớm: 01 bộ - Phụ kiện đi kèm máy chính: - Ống nội soi Tai mũi họng ống mềm video: 01 bộ - Bộ kiểm tra rò rỉ: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ - Màn hình nội soi: 01 bộ - Máy hút dịch: 01 máy - Hệ thống trả kết quả: 01 bộ gồm - Máy tính: 01 cái - Màn hình: 01 cái - Máy in màu: 01 cái - Phần mềm in kết quả cho bệnh nhân: 01 bộ - Xe đẩy cho hệ thống nội soi: 01 bộ - Bộ lưu điện online: 01 bộ <u>III. Đặc trưng kỹ thuật cơ bản:</u> 1. Bộ xử lý hình ảnh nội soi kèm nguồn sáng LED	01	Hệ thống

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Bộ xử lý đi kèm với nguồn sáng LED hoặc tương đương Có ≥ 3 chế độ chẩn đoán ung thư sớm Lựa chọn ≥ 3 chế độ bằng cách bấm nút chuyển chế độ ánh sáng Có chức năng chẩn đoán phổ màu đa tần hỗ trợ chẩn đoán ung thư sớm Tùy chỉnh bước sóng cho các màu R, G, B từ 400 đến 695nm Điều chỉnh màu sắc tối thiểu: Màu đỏ, xanh lá, độ sáng, chroma ≥ 9 bước mỗi loại Có chế độ dừng hình để quan sát tổn thương Hiển thị các thông số tối thiểu của ống soi trên màn hình: Loại ống soi và số seri Hiển thị tối thiểu thông tin bệnh nhân: Tên bệnh nhân, mã bệnh nhân, ngày sinh, giới tính, tên bác sĩ Bộ nhớ: - Dữ liệu bệnh nhân ≥ 40 người - Thủ thuật: ≥ 20 kiểu - Tên bác sĩ: ≥ 20 người - Mẫu thiết lập cho bác sĩ: ≥ 5 mẫu Có thể lưu hình ảnh FTP thông qua hệ thống mạng Chế độ Iris tối thiểu: AUTO/PEAK/AVE Phóng đại ảnh: Phóng đại điện tử 1x - 2x (bước phóng đại $\geq 0.05x$) Phóng đại quang học: Chế độ zoom nhiều bước hoặc liên tục Phương pháp lấy ảnh: Đồng thời Bộ đếm hình chụp: Tăng dần Tương thích với ≥ 3 các hệ ống soi Hệ màu: NTSC hoặc tương đương Ngõ ra video: Có 2. Nguồn sáng LED: Phát ra ánh sáng trắng Có ≥ 3 bóng LED riêng biệt Độ chiếu sáng tối đa: ≥ 750 lm		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Điều chỉnh ánh sáng tự động Phương pháp làm mát: Cường bức bằng quạt gió Bơm cấp khí có ≥ 4 chế độ: HI/MID/LOW/OFF Áp lực cấp khí tối đa $\geq 65\text{kpa}$ Áp lực cấp nước tối đa $\geq 65\text{kpa}$ 3. Phụ kiện đi kèm máy chính: Ống soi Tai mũi họng ống mềm video: Sử dụng cảm biến thu hình Super CCD hoặc tương đương Trường nhìn: $\geq 90^\circ$ Hướng nhìn thẳng: 0° Phạm vi quan sát $\leq 3\text{mm} - \geq 50\text{mm}$ Đường kính đầu ống soi $\geq 2.9\text{ mm}$ Đường kính thân ống soi $\geq 3.2\text{ mm}$ Khả năng uốn cong: - Lên: $\geq 130^\circ$ - Xuống: $\geq 130^\circ$ Chiều dài làm việc $\geq 300\text{mm}$ Chiều dài toàn bộ $\geq 500\text{mm}$ Bộ kiểm tra rò rỉ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt Màn hình nội soi Màn hình màu LCD: $\geq 21.5\text{ inch}$ Độ phân giải ảnh: $\geq 1920 \times 1080\text{ pixel}$ Tỉ lệ khung hình: $\geq 16:9$ Góc nhìn: $\geq 178^\circ$ Thời gian đáp ứng: $\leq 15\text{ ms}$ Đường tín hiệu vào: DVI-I, Displayport, USB, HDMI, S-Video, Máy hút dịch Thể tích bình: $\geq 2\text{ lít/bình}$ Áp lực hút: $\geq -80\text{ kPa } (-600\text{mmHg})$ Lưu lượng hút tối đa: $\geq 40\text{ lít/phút}$ Độ ồn: $\leq 65\text{ dBA}$ Hệ thống trả kết quả		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Máy tính Bộ vi xử lý: $\geq 3.0 \text{ GHz}$ RAM: $\geq 8 \text{ GB}$ Ổ cứng HDD: $\geq 500 \text{ GB}$; DVD RW; bàn phím và chuột Màn hình Màn hình LCD: $\geq 21.5 \text{ inch}$ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080 \text{ pixel}$ Máy in màu Màu, khổ A4, giao tiếp USB Phần mềm in trả kết quả cho bệnh nhân Xe đẩy cho hệ thống nội soi Chất liệu sơn tĩnh điện hoặc tương đương Có giá treo, giá giữ ống, phanh hãm bánh xe, ổ cắm điện Bộ lưu điện Online $\geq 2 \text{ kVA}$ 4. Yêu cầu khác - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế ≥ 7 năm - Cam kết trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu phải cử kỹ sư đến khắc phục sự cố kỹ thuật (trong thời gian bảo hành) - Thời gian bảo hành thiết bị ≥ 12 tháng - Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại đơn vị sử dụng - Thực hiện bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		
2	Máy điện tim 6 kênh	I. YÊU CẦU CHUNG - Thiết bị mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485 ISO 9001 hoặc tương đương. - Xuất xứ: các nước công nghiệp phát triển G7 - Năm sản xuất thiết bị: Năm 2024 trở về sau - Nguồn điện: 220V/50Hz - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$;	01	Hệ thống

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		+ Độ ẩm tối đa đến $\geq 75\%$ II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ gồm: - Cáp điện tim: 01 chiếc - Điện cực trước ngực: 06 chiếc - Điện cực kẹp chi: 04 chiếc - Giấy in: 01 xấp - Bút lau đầu in nhiệt: 01 chiếc - Pin: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ. - Tài liệu bảo trì, sửa chữa: 01 bộ III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT 1. Tính năng chung - Có thể hiển thị đồng thời 12 đạo trình điện tim ECG. - Tự động mở rộng ghi đạo trình khi phát hiện loạn nhịp. - Có máy in nhiệt được tích hợp trong máy có thể ghi một lần 6 sóng ECG trên giấy in - Có bàn phím với ký tự và số để nhập thông tin bệnh nhân. - Pin dự phòng có thể dùng liên tục trong thời gian: ≥ 60 phút. - Có thể lưu giữ lên tới ≥ 40 file dữ liệu điện tim bằng bộ nhớ trong - Có thể truyền dữ liệu điện tim vào máy tính bằng thẻ nhớ, mạng LAN, USB và có thể xem lại dữ liệu điện tim với phần mềm được cài đặt trên máy tính. 2. Thông số kỹ thuật: Thu tín hiệu điện tim: - Đạo trình ECG: 12 đạo trình - Mạch vào: được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim - Độ nhạy: $\geq 10\text{mm/mv}$ - Trở kháng vào: $\geq 20\text{M}\Omega$		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Hệ số lọc nhiễu: $\geq 100\text{dB}$ - Tần số đáp ứng: ≤ 0.05 đến $\geq 150\text{ Hz}$. Xử lý tín hiệu: - Tốc độ phân tích mẫu: ≥ 500 mẫu/giây - Tốc độ thu thập mẫu: ≥ 8000 mẫu/giây - Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50Hz - Lọc nhiễu cao tần tối thiểu có: $75, 100, 150\text{ Hz}$ - Lọc nhiễu điện cơ tối thiểu có: $25, 35\text{ Hz}$ - Phát hiện trạng thái sóng: Hở tiếp xúc điện cực, nhiễu. Hiển thị: - Hiển thị dạng sóng điện tim 12 đạo trình - Màn hình LCD, hoặc LED kích thước: $\geq 5.5\text{ inch}$ - Hiển thị các thông số tối thiểu có : 12 đạo trình sóng điện tim, thông tin bệnh nhân, cài đặt chế độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, đánh dấu phức bộ QRS, đánh dấu CAL, báo lỗi, tiếp xúc điện cực, nhiễu. Máy in: - Công nghệ: In nhiệt. - Mật độ in: $\geq 200\text{dpi}$ - Độ rộng bản in: $\geq 100\text{ mm}$ - Tốc độ giấy tối thiểu có: $10, 12.5, 25, 50\text{ mm/s}$ - Độ nhạy: $\geq 5\text{ mm/ mV}$ - Thông số ghi tối thiểu có: Loại chương trình ghi, ngày tháng và thời gian, tốc độ giấy, độ nhạy, tên đạo trình, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân (số ID, họ tên, tuổi, giới tính), đánh dấu thời gian, đánh dấu sự kiện. Phân tích điện tim : - Tuổi phân tích: 3 tuổi trở lên - Thời gian phân tích: $\leq 5\text{ giây}$ - Kết quả phân tích : ≥ 200 mục Giao thức kết nối Đầu vào ngoài/ đầu ra CRO: ≥ 1 cổng		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Cổng USB loại A,B: ≥ 2 cổng Có khe cắm thẻ nhớ Tín hiệu đầu vào – đầu ra: Đầu vào: ≥ 10 mm/0.5 V Đầu ra : ≥ 1 mV/0.5 V Pin sạc : Pin có thể sạc nhiều lần Dòng điện tiêu thụ: ≤ 6A Thời gian sử dụng : ≥ 60 phút		
3	Máy phá rung tim có tạo nhịp	<u>I. YÊU CẦU CHUNG:</u> - Thiết bị mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485 ISO 9001 hoặc tương đương. - Xuất xứ: các nước công nghiệp phát triển G7 - Năm sản xuất thiết bị: Năm 2024 trở về sau - Thời gian bảo hành : ≥ 12 tháng - Nguồn điện: 220V/50Hz. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa $\geq 40^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$ <u>II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH:</u> - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ. - Phụ kiện kèm theo: tối thiểu có: - Máy in nhiệt tích hợp trong máy: 01 bộ - Bộ đánh sốc ngoài người lớn và trẻ em: 01 bộ. - Cáp điện tim 3 điện cực: 01 sợi. - Dây nối pad đánh sốc và tạo nhịp ngoài: 01 bộ. - Bộ Pad đánh sốc và tạo nhịp ngoài dùng 1 lần: ≥ 01 bộ. - Pin sạc: 01 chiếc. - Giấy ghi: ≥ 01 xấp. - Gel tiếp xúc: 01 lọ. - Xe inox đặt máy: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ. <u>III. YÊU CẦU VỀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT:</u> 1. Sốc điện	01	Hệ thống

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Kiểu đánh sốc: có thể lựa chọn bằng tay, đồng bộ, tự động (AED). - Năng lượng đầu ra tại 50 Ohm: tối thiểu có: + Bản đánh sốc ngoài: từ $\leq 2J$ đến $\geq 270J$ cài đặt lựa chọn ≥ 10 bậc. + Bản đánh sốc và tạo nhịp dừng 1 lần: từ $\leq 2J$ đến $\geq 270J$ cài đặt lựa chọn ≥ 10 bậc. + Sốc tim tự động (Người lớn): 1st 150J, 2nd 200J, 3rd 200 J (cài mặc định). + Sốc tim tự động (Trẻ em): 1st 50J, 2nd 70J, 3rd 70J (cài mặc định). - Độ chính xác năng lượng tại 50 Ohm: $\pm \leq 15\%$. - Dạng sóng tối thiểu có: hai pha. - Thời gian nạp tối đa: ≤ 15 giây. - Có hiển thị thông số năng lượng sạc trên màn hình. - Có thông báo tình trạng sạc pin. - Có chức năng xả năng lượng đồng bộ. - Có chức năng phân tích VF/VT. - Có chức năng báo tiếp xúc bản đánh sốc ≥ 3 mức. - Có chức năng đo trở kháng bệnh nhân. - Có chức năng tự kiểm tra hằng ngày, hằng tháng pin sạc, lỗi hệ thống 2. Màn hình hiển thị - Màn hình: màn hình LCD TFT màu ≥ 6 inch. - Độ nhạy sóng hiển thị: 10mm/mV ($\pm \leq 10\%$). - Số kênh tối thiểu : ≥ 4 kênh - Tốc độ quét dạng sóng: tối thiểu có 25mm/s - Có chỉ báo hiển thị các chức năng khi sử dụng, thông báo tương tự bằng giọng nói 3. Theo dõi điện tim - Nguồn ECG tối thiểu từ: bản sốc, 3 kênh, 6 kênh; ECG bên ngoài. - Tần số chuyển đạo ≤ 0.05 đến ≥ 150 Hz - Độ nhạy: $\geq 10\text{mm/mV}$		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Điều khiển độ nhạy tối thiểu có từ: 0.25, 0.5, 1, 2, 4 - Dải băng thông: từ ≤ 2 Hz đến ≥ 20 Hz. - Trở kháng đầu vào: $\geq 100\text{ k}\Omega$ đối với bản sóng và ECG ngoài; $\geq 5\text{ M}\Omega$ với điện cực. - Có lọc nhiễu: 50/60 Hz và lọc ESU. - Dải đo nhịp tim: từ 0 đến ≥ 300 bpm. - Thời gian phục hồi đường cơ bản: ≤ 3 giây sau khi khử rung 270J. - Có bộ lọc AC - Có khử xung tạo nhịp. - Có phân tích loạn nhịp tim. - Có phát hiện QRS. - Có chức năng phát hiện mất kết nối điện cực. - Giới hạn cảnh báo tối thiểu từ 35 đến ≥ 300 bpm 4. Tạo nhịp không xâm lấn - Chế độ tạo nhịp: cố định hoặc theo yêu cầu. - Dạng sóng: thay đổi hình thang. - Độ rộng xung: $\geq 40\text{ms} \pm 10\%$. - Tốc độ tạo nhịp: ≤ 30 đến ≥ 180 ppm, bước 10 ppm, độ chính xác $\pm \leq 10\%$. - Độ chính xác: $\leq 10\%$ - Trở kháng cực đại: $\geq 300\text{ }\Omega$. 5. Chức năng cảnh báo tối thiểu có: - Cảnh báo mức thấp hơn hoặc cao hơn giới hạn cảnh báo. - Các mức cảnh báo: ≥ 3 mức. - Có cảnh báo chỉ thị màu sắc - Có báo động âm thanh: ≥ 3 mức. - Có chức năng tắt báo động. - Có chức năng giọng nói AED 6. Ghi dữ liệu: - Tốc độ ghi: tối thiểu có 2 mức lựa chọn - Độ nhạy: 10mm/mV ($\pm \leq 10\%$). - Tần số phản hồi tối đa $\geq 150\text{Hz}$. - Chiều rộng giấy ghi $\geq 50\text{mm}$.		

STT	Danh mục Trang thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		- Dạng sóng ghi: ECG, ECG + SpO₂, ECG + CO₂ (có thể lựa chọn; SpO₂ hoặc CO₂ khi đo SpO₂ hoặc CO₂). - Có thể ghi bằng tay hoặc tự động. - Dữ liệu ECG có giọng nói, báo cáo khử rung, báo cáo cảnh báo, báo cáo hoạt động lưu trữ được. 7. Pin: - Loại pin: Ni-MH hoặc tương đương. - Điện áp: khoảng 12.0V. - Công suất: ≥ 2800 mAh. - Thời gian hoạt động: khi sạc đầy ≥ 50 lần xả pin ở 270J hoặc ≥ 180 phút ở chế độ theo dõi.		